

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Tháng 7

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 29 – 30/7/2025

Ngày cung cấp TT: 31/7/2025

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Cống mở
2	11	Đầu kênh chính	Cống đóng
3		Cửa xả thủy điện	Mở
4		Cửa xả đập Ngàn Trươi	Đóng

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 vị trí chính thức

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3, Ban Quản lý Thủy lợi 4.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cuối kênh chính tại xã Tân Dân, Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt .

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Thượng lưu hồ tầng mặt, Giữa hồ tầng mặt, Trước cửa xả TN1 tầng mặt, Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m), Khu nuôi cá lồng I tầng mặt, Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt, Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang, Đầu kênh chính, Cầu Ngàn Trươi.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên,**

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A			6,5 – 8,5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8,5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8,5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6 hoặc > 8,5		≥ 2						
1	Thượng lưu hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi,	Trời nắng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 55%, gió 14 km/h, Không có dòng chảy, Nước màu xanh,	6,39	0,6	6,41	0,1	0,016	0,180	15	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
2	Thượng lưu hồ tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 55%, gió 14 km/h, Dòng chảy chậm, Nước trong, màu xanh,	5,35	8	0	0,1	0,023	0,304	19	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
3	Giữa hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước	Trời nắng nóng, nhiệt độ 35°C, độ	6,2	0,3	6,45	0,1	0,016	0,041	11	Giá trị chỉ tiêu hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
		tầng mặt khu vực giữa hồ Ngàn Trươi,	âm 53%, gió 14 km/h, Dòng chảy chậm, Nước xanh biếc,								trường pH không đạt giới hạn B cho phép
4	Trước cửa xả TN1 tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, mật độ mây 20%, Có dòng chảy chậm, Nước màu xanh biếc, trong,	6,36	0,4	6,3	0,1	0,023	0,059	19	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
5	Trước cửa xả TN1 tầng giữa	Đánh giá chất lượng nước tầng giữa hồ Ngàn Trươi khu vực gần	Trời nắng nóng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, Dòng chảy chậm,	5,12	2	0	0,1	0,008	0,011	18	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
		cửa xả TN1,	Nước màu xanh lục,								
6	Trước cửa xả TN1 tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 52%, gió 14 km/h, Dòng chảy chậm, Nước trong, không màu,	5,6	5	0	0,1	0,039	0,088	33	Giá trị DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
7	Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m)	Đánh giá ảnh hưởng của khu nuôi cá đến chất lượng nước hồ,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, Không có dòng chảy, Nước màu xanh trong,	6,25	4	6,45	0,1	0,023	0,286	13	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
8	Khu nuôi cá lồng I tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, Không có dòng chảy, Nước màu xanh trong,	6,22	1	6,4	0,1	0,031	0,288	14	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
9	Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, Không có dòng chảy, Nước màu xanh trong,	6,38	1	6,35	0,1	0,023	0,180	14	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ	Trời nắng nóng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, mật độ mây	5,72	3	4,86	0,1	0,031	0,106	23	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
	Quang	Quang,	20%, Có dòng chảy, cống mở, trạm bơm hoạt động, Nước đục, màu lục,								đạt giới hạn B cho phép
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống trước khi cấp cho các mục đích dân sinh,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, Cống đóng, rỉ nước, Nước màu xanh,	5,67	2	4,23	0,1	0,023	0,270	30	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO không đạt giới hạn B cho phép
12	Cuối kênh chính tại xã Tân Dân	Đánh giá chất lượng nước cuối kênh chính,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, Dòng chảy rất chậm, mực nước	8,6	3	7,75	0,1	0,078	0.608	68	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			QCVN 08:2023 - A	6,5 – 8,5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8,5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8,5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
			cạn, Nước màu xanh,								
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, Cổng mở phát điện, dòng chảy mạnh, Nước trong, màu xanh,	5,45	2	4,2	0,1	0,023	0,158	22	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO không đạt giới hạn B cho phép
14	Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai nhà máy sắt và nhà máy gỗ,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, mật độ mây 20%, Dòng chảy chậm, mực nước trung bình, Nước trong,	6,7	2	6,8	0,1	0,016	0,083	33	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH đạt giới hạn A cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
			màu xanh,								
15	Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi ngay sau khi nhận nước thải nhà máy gỗ,	Trời nắng nóng, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 53%, gió 14 km/h, Có dòng chảy chậm, mực nước trung bình, Nước trong, màu xanh rêu,	7,1	5	5,9	0,1	0,039	0,207	37	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH đạt giới hạn B cho phép

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt, Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao, Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp,

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình, Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm, Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp,

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu, Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm, Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp,

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao, Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp,

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Ban Quản lý Thủy lợi 3;
- Ban Quản lý Thủy lợi 4;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT,

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn